

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ A
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HNGĐ -ST

Ngày: 08-10-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Dệt và ông Trần Viết Trà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố A tham gia phiên tòa:

Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019, về việc; “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 2 xã H, thành phố A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Doãn Khắc C, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn 2 xã H, thành phố A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24-04-2019 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Chị B và anh Doãn Khắc C tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố A, tỉnh Gia Lai vào ngày 22 tháng 3 năm 2013. Đến năm 2017, chị B và anh C xảy ra mâu thuẫn, vì anh C không chăm lo cho gia đình, thường xuyên đánh đập chị B. Tuy đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Do đó, từ tháng 4/2019 cho đến nay chị B và anh C không cùng chung sống với nhau nữa, vợ chồng đã thực sự bỏ mặc nhau. Hiện nay, chị B không còn tình cảm với anh C nữa nên chị xin được ly hôn anh C.

Chị B và anh C có 01 con chung là Doãn Khả H, sinh ngày 08/12/2013. Từ khi chị B và anh C không sống chung với nhau cho đến nay, thì chị B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con. Ly hôn, chị B xin được tiếp tục trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con thành niên.

Chị B không yêu cầu tòa án giải quyết tài sản chung, không có nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh C, nhưng anh C không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình.

Tại phiên tòa, chị B thống nhất với lời khai của chị đã trình bày trong đơn khởi kiện, cũng như bản tự khai và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Từ tháng 4 năm 2019 đến nay chị B và anh C không chung sống với nhau nữa và thực sự đã bỏ mặc nhau nên chị B tha thiết xin được ly hôn anh Doãn Khắc C. Nếu được ly hôn thì chị B xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con hằng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con đủ tuổi thành niên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

-Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Ngọc B làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Doãn Khắc C và yêu cầu được nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Doãn Khắc C hiện nay có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn 2 xã H, thành phố A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố A theo loại việc, theo lãnh thổ và cấp xét xử.

-Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng.

-Việc thu thập chứng cứ, việc cấp và tổng đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc B, xử cho chị B được ly hôn anh Doãn Khắc C; giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng con đến khi thành niên là phù hợp với điều kiện kinh tế và tình cảm mẹ con chị B. Chị B yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 1.500.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xét đến.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; buộc anh Doãn Khắc C phải chịu án phí cấp dưỡng cho con theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Doãn Khắc C là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và đầy đủ các văn bản tố tụng, nhưng anh C không đến Tòa án để tham gia phiên họp và tham gia phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào các Điều: 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là anh Doãn Khắc C.

[2] Chị Nguyễn Thị Ngọc B làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Doãn Khắc C và xin được nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là anh Doãn Khắc C hiện nay có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn 2 xã H, thành phố A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố A theo loại việc, theo lãnh thổ và cấp xét xử.

[4] Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1994 và anh Doãn Khắc C, sinh năm 1989, hai người đã tự nguyện tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố, tỉnh Gia Lai vào ngày 22 tháng 3 năm 2013. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị B và anh C đều đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, không thuộc trường hợp cấm kết hôn nên quan hệ hôn nhân của chị B và anh C là hợp pháp.

[5] Sau khi kết hôn chị B và anh C sống đến năm 2017, thì xảy ra mâu thuẫn, vì anh C không chăm lo cho gia đình, thường xuyên đánh đập chị B. Tuy đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Do đó, từ tháng 4/2019 cho đến nay chị B và anh C không cùng chung sống với nhau nữa, vợ chồng đã thực sự bỏ mặc nhau.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh C, nhưng anh C không đến Tòa án để trình bày ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của chị B, mà đã cố tình trốn tránh và từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[7] Kết quả xác minh ngày 10/7/2019 đối với Tổ trưởng tổ dân phố nơi chị B và anh C cư trú, thì biết được chị B và anh C hiện nay không chung sống với nhau, trước đây chị B và anh C sống tại địa phương thỉnh thoảng xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau.

Từ những căn cứ và nhận định tại các luận điểm [5] đến [7] nêu trên cho thấy quan hệ hôn nhân của chị B và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị B là có cơ sở và được chấp nhận.

[8] Chị B và anh C có 01 con chung: Doãn Khả H, sinh ngày 08/12/2013. Từ trước đến nay con ở với chị B, nên giao con cho chị B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sẽ tốt hơn và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì

vậy, áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc B được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con Doãn Khả H đến khi thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị B yêu cầu anh C cấp dưỡng hằng tháng cho con, mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Chị B không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, không có nợ chung nên không xét đến.

[10] Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; buộc anh Doãn Khắc C phải chịu án phí cấp dưỡng cho con theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào các Điều: 28, 35, 39, 144, 147, 235, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ vào các Khoản: 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

-Áp dụng các Điều: 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc B.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn anh Doãn Khắc C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Doãn Khả H, sinh ngày 08/12/2013 đến khi thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Buộc anh Doãn Khắc C phải cấp dưỡng hằng tháng cho con Doãn Khả H, mỗi tháng 1.500.000 (bằng chữ: Một triệu năm trăm nghìn) đồng. Thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 300.000 (bằng chữ: Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0001396 ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku. Chị B đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Doãn Khắc C phải chịu 300.000 (bằng chữ: Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng cho con.

4. Người có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc B được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 08 tháng 10 năm 2019. Anh Doãn Khắc C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án này được niêm yết.

5. Quyền yêu cầu thi hành án: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND thành phố A;
- UBND xã H, TP.A;
- Chi cục THADS TP.A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thương